HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 09 /NQ-HĐND	*Thuận Nam, ngày 22 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ V

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Nghị quyết số 03 /2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước Trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 34/2022/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 24/8/2021 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Theo Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện đề nghị thông qua Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia; Báo cáo thẩm tra số 20/BC-BKTXH ngày 13/7/2022 của Ban Kinh tế-Xã hội Hội động nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia, như sau:

I. TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các Chương trình mục tiêu quốc gia trình HĐND huyện là 161.812 triệu đồng, gồm:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 88.392 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 16.114 triệu đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 44.570 triệu đồng;

- Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 27.708 triệu đồng.

2. Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 73.420 triệu đồng, trong đó:

2.1. Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 17.940 triệu đồng *(đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới).*

2.2. Vốn đối ứng ngân sách huyện: 55.480 triệu đồng, trong đó:

- Dự kiến đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 10.000 triệu đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.417 triệu đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.156 triệu đồng;

+ Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới: 3.427 triệu đồng.

- Dự kiến đối ứng bằng các công trình đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 45.480 triệu đồng *(các công trình đầu tư được bố trí trong Kế*

hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân huyện).

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025

1. Vốn ngân sách Trung ương: Tổng vốn đầu tư 03 Chương trình mục tiêu quốc gia là **88.392** triệu đồng. Phân bổ cho từng Chương trình như sau:

1.1. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 16.114 triệu đồng, trong đó:

- Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội các huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển: 15.000 triệu đồng, giao UBND Phước Dinh.

- Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững: 1.114 triệu đồng; giao Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 44.570 triệu đồng, giao UBND 08 xã: Phước Ninh 1.481 triệu đồng, Phước Nam 1.481 triệu đồng, Phước Diêm 1.481 triệu đồng, Phước Dinh 4.444 triệu đồng, Phước Minh 1.481 triệu đồng, Cà Ná 2.981 triệu đồng, Phước Hà 7.407 triệu đồng, Nhị Hà 4.444 triệu đồng và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện 19.370 triệu đồng.

1.3. Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 27.708 triệu đồng, trong đó:

- Dự án 1. Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: 4.790 triệu đồng.

- Dự án 2. Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư nơi cần thiết: 2.418 triệu đồng.

(Đối với dự án 1, dự án 2: Hiện nay chưa có hướng dẫn chi tiết việc sử dụng nguồn vốn này nên khó lựa chọn dự án tối ưu để thực hiện, nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, theo đó kiến nghị: Hội đồng nhân dân huyện thống nhất, biểu quyết thông qua về mặt chủ trương, giao lại cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện quyết định dự án phù hợp).

- Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc: 3.500 triệu đồng; trong đó, giao UBND các xã: Phước Ninh 1.430 triệu đồng, Phước Nam 116 triệu đồng, Phước Hà 1.954 triệu đồng.

- Dự án 5. Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: 9.700 triệu đồng, giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

- Dự án 6. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch: 6.950 triệu đồng; trong đó, giao UBND các xã: Phước Ninh 1.800 triệu đồng, Phước Nam 1.700 triệu đồng, Phước Hà 3.450 triệu đồng.

- Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình: 350 triệu đồng; giao Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện.

2. Vốn đối ứng ngân sách địa phương: Tổng nhu cầu vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia là: 73.420 triệu đồng, trong đó đối ứng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh: 17.940 triệu đồng; đối ứng từ nguồn vốn ngân sách huyện, các nguồn vốn huy động khác và bằng các công trình đầu tư trên địa bàn huyện: 55.480 triệu đồng: Phương án phân bổ như sau:

- Ngân sách tỉnh đối ứng: 17.940 triệu đồng:

+ Phân bổ cho UBND xã Phước Dinh để đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 2.417 triệu đồng;

+ Phân bổ cho BQL dự án ĐTXD huyện để đối ứng Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 4.156 triệu đồng; Chương trình xây dựng nông thôn mới: 11.367 triệu đồng.

- Ngân sách huyện đối ứng: 55.480 triệu đồng:

+ 10.000 triệu đồng: Dự kiến đối ứng từ vốn CĐNS địa phương *(Chương trình xây dựng nông thôn mới);*

+ 45.480 triệu đồng: Từ nguồn vốn huy động hợp pháp và các dự án đã bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân huyện.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam khóa IV kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15/7/2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Sở Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện;

(b/cáo)

- UBND huyện; UBMTTQ huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá IV;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- Thường trực HĐND và UBND các xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Ngô Văn Sậy

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM

Biểu số 01

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
Nguồn ngân sách Trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình	Dự kiến Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
	Tổng số	**88.392**
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**	**16.114**
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**	**15.000**
1.1	***Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo***	***15.000***
	Xã Phước Dinh	15.000
2	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**1.114**
2.1	***Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn***	
2.2	***Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững***	***1.114***
	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	1.114
II	**Chương trình xây dựng nông thôn mới**	**44.570**
1	BQL Dự án ĐTXD huyện	19.370
2	Xã Phước Ninh	1.481
3	Xã Phước Nam	1.481
4	Xã Phước Diêm	1.481
5	Xã Phước Dinh	4.444
6	Xã Phước Minh	1.481
7	Xã CÀ Ná	2.981
8	Xã Phước Hà	7.407
9	Xã Nhị Hà	4.444
III	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**27.708**
1	**Dự án 1: Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**4.790**
2	**Dự án 2: Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư nơi cần thiết**	**2.418**
3	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**	**0**
3.1	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	

STT	Chương trình	Dự kiến Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
4	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**	**3.500**
4.1	TDA 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	3.500
4.1.1	Xã Phước Ninh	1.430
4.1.2	Xã Phước Nam	116
1.1.3	Xã Phước Hà	1.954
5	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**9.700**
5.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	9.700
	BQL DADTXD huyện	9.700
6	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**	**6.950**
6.1	Xã Phước Ninh	1.800
6.2	Xã Phước Nam	1.700
6.3	Xã Phước Hà	3.450
7	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**	**350**
7.1	TDA 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	
7.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	350
7.2.1	VP Cấp ủy và Chính quyền huyện	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM

Biểu số 2

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (Nguồn ngân sách Trung ương và Đối ứng ngân sách địa phương)

(Kèm theo Nghị quyết số: 09 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Thuận Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Sở ngành, địa phương	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó						
			Vốn ngân sách Trung ương				Vốn đối ứng ngân sách địa phương (*)		
			Tổng vốn	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (**)
	Tổng số	**116.332**	**88.392**	**16.114**	**44.570**	**27.708**	**27.940**	**17.940**	**10.000**
I	**Phân bổ vốn cho các Phòng, Ban thuộc huyện**	**51.901**	**30.534**	**1.114**	**19.370**	**10.050**	**21.367**	**17.940**	**3.427**
1	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	1.114	1.114	1.114			0		

STT	Sở ngành, địa phương	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó						
			Vốn ngân sách Trung ương				Vốn đối ứng ngân sách địa phương (*)		
			Tổng vốn	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (**)
2	VP Cấp ủy và Chính quyền huyện	350	350			350	0		
3	BQL Dự án ĐTXD huyện	50.437	29.070		19.370	9.700	21.367	17.940	**3.427**
II	**Phân bổ vốn cho các xã**	**53.067**	**50.650**	**15.000**	**25.200**	**10.450**	**2.417**	**0**	**2.417**
1	Xã Phước Ninh	4.711	4.711		1.481	3.230	0		
2	Xã Phước Nam	3.297	3.297		1.481	1.816	0		
3	Xã Phước Diêm	1.481	1.481		1.481		0		
4	Xã Phước Dinh	21.861	19.444	15.000	4.444		2.417		2.417

STT	Sở ngành, địa phương	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó						
			Vốn ngân sách Trung ương				Vốn đối ứng ngân sách địa phương (*)		
			Tổng vốn	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (**)
5	Xã Phước Minh	1.481	1.481		1.481		0		
6	Xã CÀ Ná	2.981	2.981		2.981		0		
7	Xã Phước Hà	12.811	12.811		7.407	5.404	0		
8	Xã Nhị Hà	4.444	4.444		4.444		0		
III	**Kinh phí chưa phân bổ (***)**	**11.364**	**7.208**			**7.208**	**4.156**		**4.156**
1	Dự án 1: Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					4.790			

STT	Sở ngành, địa phương	Tổng vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó						
			Vốn ngân sách Trung ương				Vốn đối ứng ngân sách địa phương (*)		
			Tổng vốn	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện (**)
2	Dự án 2: Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư nơi cần thiết					2.418			

Ghi chú:

(*) Tổng số vốn đối ứng của 03 Chương trình: (16.114 x 15%)+(44.570x150%)+(27.708x15%) =73.420 trđ; Trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ: 17.940 trđ; Ngân sách huyện, xã đảm bảo: 55.480 trđ; Dự kiến bố trí: 10.000 trđ, số còn lại 45.480 trđ: Đối ứng bằng dự án

(**): Đối với số vốn đối ứng ngân sách huyện 10.000 đồng: Dự kiến bố trí từ nguồn NSĐP giai đoạn 2021-2025; Số vốn đối ứng còn lại: 45.480 trđ (73.420 -17.940 -10.000), đã được bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND của HĐND huyện;

(***): Đối với kinh phí chưa phân bổ: Hiện nay chưa có hướng dẫn chi tiết việc sử dụng nguồn vốn này nên khó lựa chọn dự án tối ưu để thực hiện, nhằm đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả, theo đó kiến nghị: Hội đồng nhân dân huyện thống nhất, biểu quyết thông qua về mặt chủ trương, giao lại cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện quyết định dự án phù hợp.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM

Biểu 3

DANH MỤC DỰ KIẾN ĐẦU TƯ CHO 3 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 22 /7/2022 của HĐND huyện Thuận Nam)

STT	CHƯƠNG TRÌNH	Dự kiến Kế hoạch giai đoạn 2021-2025
	Tổng số:	**88.392**
I	**Chương trình giảm nghèo bền vững**	**16.114**
1	**Dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (6DA)	**15.000**
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	*15.000*
	Xã bãi ngang ven biển (xã Phước Dinh)	
	Khởi công mới	*15.000*
1.1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào Trung tâm hành chính xã (đoạn từ cây xăng Quỳnh Cầu đến Bách hóa xanh)	
1.2	Thoát nước và nâng cấp đường từ nhà Đức Đoan đến nhà ông Nguyễn Sơ	
1.3	Thoát nước và nâng cấp đường từ nhà ông Thanh đến Nhà hàng tiệc cưới Minh Ái	
1.4	Thoát nước và nâng cấp đường từ nhà ông Thanh đến Nhà hàng tiệc cưới Minh Ái (giai đoạn 2)	
1.5	Bê tông hóa các tuyến đường trong khu dân cư Đông Nam Sơn Hải 2	
2	**Dự án 4:** Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	**1.114**
2.1	*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*	*1.114*
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	
	Đầu tư trang thiết bị CNTT để hiện đại hóa hệ thống thông tin lao động	*1.114*
II	**Chương trình xây dựng nông thôn mới**	**44.570**
1	**Ban Quản lý DA ĐTXD huyện**	**19.370**
1.1	Nâng cấp các trục đường nội thôn và nội đồng thôn Nhị Hà 1, 2, 3, xã Nhị Hà	
1.2	Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thanh huyện (Giai đoạn 1)	
2	**Xã Phước Ninh**	**1.481**
2.1	Bê tông hóa đường nội thôn đoạn từ nhà bà Trượng Thị Anh Đào đến nhà ông Thiên Đàng Sanh Định, xã Phước Ninh	

2.2	Bê tông đường nội thôn Thiện Đức, xã Phước Ninh	
2.3	Bê tông hóa đường nội thôn đoạn từ nhà ông Trượng Cứng đến nhà bà Thiên Thị Ấm, xã Phước Ninh	
2.4	Bê tông hóa đường nội thôn đoạn từ tỉnh lộ 709 đến nhà ông Huỳnh Văn Thanh, xã Phước Ninh	
2.5	Bê tông hóa đường nội thôn đoạn từ nhà ông Bá Thịnh đến nhà bà Lộ Xuân Thị Huê, xã Phước Ninh	
2.6	Bê tông hóa đường nội đồng khu sản xuất thôn Vụ Bổn từ đất ông Nguyễn Thanh Xin đến ruộng ông Nguyễn Văn Hiếu, xã Phước Ninh	
2.7	Nâng cấp, mở rộng chợ Hiếu Thiện, xã Phước Ninh	
3	**Xã Phước Nam**	**1.481**
3.1	Bê tông hóa đường nội thôn Văn Lâm 1, xã Phước Nam	
3.2	Bê tông hóa đường nội thôn Văn Lâm 3, xã Phước Nam	
3.3	Bê tông hóa đường nội thôn Nho Lâm, xã Phước Nam	
3.4	Bê tông hóa đường nội thôn Phước Lập Tam Lang, xã Phước Nam	
4	**Xã Phước Diêm**	**1.481**
4.1	Bê tông hóa các trục đường nội thôn Lạc Tân 2, Lạc tân 3, xã Phước Diêm	
4.2	Xây dựng bệ tập kết xe rác đẩy tay dọc bờ kè chắn sóng, xã Phước Diêm	
4.3	Đầu tư hệ thống loa truyền thanh xã Phước Diêm	
4.4	Đầu tư hệ thống thoát nước tuyến đường đầm, thôn Lạc Tân 2, xã Phước Diêm	
5	**Xã Phước Dinh (03DA)**	**4.444**
5.1	Bê tông hóa đường Vòng Chùa thôn Sơn Hải 2 (giai đoạn 2), xã Phước Dinh	
5.2	Bê tông hóa các tuyến đường trong khu dân cư Đông Nam Sơn Hải 2, xã Phước Dinh	
5.3	Thoát nước và nâng cấp đường từ nhà ông Nguyễn Văn Lợi đến cầu Sơn Hải 2	
6	**Xã Phước Minh**	**1.481**
6.1	Hệ thống thoát nước trong khu dân cư Tổ 4,5,6 và khu vực từ điểm trường mầm non đến chợ thôn Lạc Tiến, xã Phước Minh	
6.2	Nâng cấp, sửa chữa Nhà Văn hóa thể thao thôn Lạc Tiến, xã Phước Minh	
6.3	Tuyến đường từ ông Vũ Văn Thạnh đến nhà Phạm Thị Tuyết Hằng, xã Phước Minh	
6.4	Tuyến đường từ nhà ông Lê Kim đến nhà ông Đặng Út, xã Phước Minh	
6.5	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Thị Trong đến nhà Trần Văn Út, xã Phước Minh	
6.6	Tuyến đường từ nhà Nguyễn Thị Lan đến nhà Võ Thị Hảo, xã Phước Minh	
6.7	Tuyến đường từ bà Phạm Thị Hết đến nhà Nguyễn T. Hồng Hoa, xã Phước Minh	
6.8	Tuyến đường từ ĐH 53 đến trụ sở Cung đường sắt 1426, xã Phước Minh	
7	**Xã Cà Ná**	**2.981**

7.1	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường nội thôn Lạc Nghiệp 1 và Lạc nghiệp 2, xã Cà Ná	
7.2	Đầu tư hệ thống loa truyền thanh xã, xã Cà Ná	
7.3	Bê tông hóa các tuyến đường nội thôn Lạc Sơn 1, Lạc Sơn 2, Lạc Sơn 3 và Lạc Nghiệp 2, xã Cà Ná	
8	**Xã Phước Hà**	**7.407**
8.1	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở thôn Tân Hà thành Nhà Văn hóa thôn Tân Hà, xã Phước Hà	
8.2	Bê tông đường giao thông đi khu sản xuất thôn Tân Hà, xã Phước Hà	
8.3	Bê tông hóa nội đồng khu sản xuất thôn Tân Hà (từ rẫy ông Chama lé Đới đến rẫy ông Tạ Yên Kê, xã Phước Hà	
8.4	Nâng cấp Trụ sở thôn Rồ Ôn thành Nhà Văn hóa thôn Rồ Ôn, xã Phước Hà	
8.5	Nâng cấp các Trụ sở thôn Giá, Là A, Trà Nô thành Nhà Văn hóa thôn Giá, Là A, Trà Nô	
8.6	Bê tông đường nội đồng khu sản xuất từ đường 709 đến ông Ma Năng Bầu, xã Phước Hà	
8.7	Nâng cấp, mở rộng Trường mẫu giáo Phước Hà (cơ sở Tân Hà)	
9	**Xã Nhị Hà**	**4.444**
9.1	Bê tông hóa Đường nội đồng Láng dầu (Đoạn từ rẫy Ông Toàn đến rẫy ông Tần), xã Nhị Hà	
9.2	Bê tông hóa đường nội thôn từ 709B đến nhà ông Long, xã Nhị Hà	
9.3	Xây mới Chợ Trung tâm cụm xã Nhị Hà	
9.4	Nâng cấp, sửa chữa kênh CT8, xã Nhị Hà	
9.5	Bê tông đường nội thôn từ nhà Nguyễn Trung - Dương Tấn Thơ, xã Nhị Hà	
9.6	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường nội thôn Đội 3, Thôn 3, xã Nhị Hà	
III	**Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**27.708**
1	**Dự án 1:** Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	**4.790**
2	**Dự án 2:** Dự kiến phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư nơi cần thiết	**2.418**
3	**Dự án 4:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	**3.500**
3.1	*TDA 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*	*3.500*
3.1.1	**Xã Phước Ninh**	1.430
	Xây mới cổng tường rào sân bóng đá thôn Hiếu thiện, Thiện Đức, xã Phước Ninh	
	Bê tông hóa đường nội thôn đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Bi đến nhà ông Lưu Tích Trí, xã Phước Ninh	
3.1.2	**Xã Phước Nam**	116

	Bê tông nội thôn (từ rẫy ông Sử Ngọc Thuyền – ông Trịnh Châu) thôn Nho Lâm, xã Phước Nam	
3.1.3	**Xã Phước Hà**	1.954
	Nâng cấp kênh mương Gộp 60 (từ ruộng bà Pi Năng Thị Thế đến ruộng bà Tạ Yên Thị Rêu; và từ ruộng ông Tạ Yên Phưng đến ruộng ông Tạ Yên Nghệ), xã Phước Hà	
4	**Dự án 5:** Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	**9.700**
4.1	*Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số*	*9.700*
	Ban Quản lý DA ĐTXD huyện	9.700
	Dự án:Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Phước Hà và các hạng mục khác	
5	**Dự án 6:** Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	**6.950**
5.1	**Xã Phước Ninh**	**1.800**
	Nâng cấp trụ sở thôn Hiếu Thiện thành nhà Văn hóa thôn Hiếu Thiện	
	Nâng cấp trụ sở thôn Vụ Bổn thành nhà Văn hóa thôn Vụ Bổn	
5.2	**Xã Phước Nam**	**1.700**
	Xây nhà truyền thống thôn Văn Lâm 2, xã Phước Nam,	
5.3	**Xã Phước Hà**	**3.450**
	Xây dựng Nhà truyền thống xã Phước Hà	
	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao xã Phước Hà (cổng tường rào, các sân TDTT, Khán đài)	
6	**Dự án 10:** Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	**350**
6.1	*Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*	*350*
	Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền huyện	*350*
	Chuyển đổi số cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	*350*